

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải,
tỉnh Kiên Giang đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/8/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Kiên Hải về việc thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo số 1610-TB/TU ngày 08/11/2024 của Tỉnh ủy Kiên Giang về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang đến năm 2045;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3348/BC-SXD ngày 15/11/2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3350/TTr-SXD ngày 15/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang đến năm 2045, với các nội dung như sau:

1. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Kiên Hải với diện tích khoảng 24,75 km² (khoảng 2.474,91 ha) và phần diện tích mặt biển xung quanh các xã đảo Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn và Nam Du, được xác định như sau:

- + Phía Bắc giáp giáp vùng biển huyện Kiên Lương và huyện Hòn Đất.
- + Phía Tây giáp vùng biển Phú Quốc.
- + Phía Đông giáp vùng biển thành phố Rạch Giá.
- + Phía Nam giáp vùng biển huyện An Biên và huyện An Minh.

- Toàn huyện Kiên Hải có 04 đơn vị hành chính gồm các xã đảo Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn và Nam Du.

1.2. Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch

Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 334.998,22ha (khoảng 3.349,98 km²) bao gồm:

- Phần diện tích đảo: khoảng 2.474,91ha (24,75 km²).
- Phần diện tích lấn biển/đảo nhân tạo: khoảng 352ha (3,52 km²).
- Phần diện tích mặt biển: khoảng 332.171,31ha (3.321,71 km²).

1.3. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng toàn huyện khoảng 17.980 người (Năm 2022). Dự báo quy mô dân số toàn huyện (*Bao gồm cả dân số đã quy đổi từ các thành phần dân số khác*) như sau:

- + Đến năm 2030 khoảng 20.000 - 24.000 người;
- + Đến năm 2035 khoảng 25.000 - 26.000 người;
- + Đến năm 2045 khoảng 29.000 - 30.000 người.

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện giai đoạn 2025-2030 đạt 100% và tiếp tục duy trì trong những năm tiếp theo.

2. Quan điểm và mục tiêu

- Cụ thể hóa mục tiêu quy hoạch chiến lược cấp quốc gia; quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Kiên Hải, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Phát huy, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển đô thị, điểm dân cư nông thôn, đảm bảo sự phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn; đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững; kết hợp chặt chẽ việc bảo đảm quốc phòng - an ninh và an toàn xã hội.

- Tạo cơ hội kêu gọi, thu hút đầu tư, khai thác lợi thế, thế mạnh của huyện để phát triển toàn diện, bền vững các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đô thị và nông thôn trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế phù hợp với bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của địa phương và phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng vùng huyện Kiên Hải trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển, vùng du lịch trọng điểm của tỉnh Kiên Giang, có vị trí vai trò chiến lược về quốc phòng - an ninh với trọng tâm phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản. Phấn đấu đến năm 2025, đạt tiêu chí đô thị loại V đối với các đô thị Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn và Nam Du; đến năm 2030, đô thị Lại Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV; đến năm 2035, đô thị Hòn Tre đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn huyện.

3. Tính chất và chức năng

3.1. Tính chất

Vùng huyện Kiên Hải là vùng phát triển mạnh kinh tế biển, nuôi biển và du lịch biển đảo, sinh thái dựa vào cộng đồng, gắn kết với phát triển thương mại, dịch vụ của thành phố Rạch Giá; có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, phòng thủ khu vực.

3.2. Chức năng

- Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, dịch vụ, thương mại và du lịch có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kiên Hải và tỉnh Kiên Giang.

- Là vùng phát triển đô thị du lịch biển, đảo chất lượng và trọng điểm của tỉnh; phát triển đa dạng các loại hình du lịch sinh thái gắn với tài nguyên du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch làng nghề, du lịch sinh thái nhà vườn, sinh thái rừng, du lịch gắn với lễ hội, tính ngưỡng dân gian, du lịch thể thao mạo hiểm kết hợp loại hình vui chơi giải trí; du lịch thiền, du lịch trăng mật; du lịch hội thảo, hội nghị.

- Là vùng phát triển mạnh kinh tế biển: Dịch vụ và hậu cần cảng, nuôi trồng thủy sản trên biển, đánh bắt thủy hải sản ven bờ; chế biến các sản phẩm từ thủy sản và các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp kết hợp với các mô hình tham quan, giải trí, du lịch.

4. Dự báo nhu cầu đất đai

- Dự báo nhu cầu đất dân dụng: đến năm 2035 khoảng 230ha; đến năm 2045 khoảng 240ha, với các chỉ tiêu sau:

+ Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị loại IV: 50 - 80m²/người.

+ Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị loại V: 70 - 100m²/người.

- Dự báo nhu cầu đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2045 khoảng 57ha.

(Nhu cầu đất xây dựng sẽ được cụ thể hoá trong bước lập quy hoạch chung cho từng đô thị đảm bảo phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành)

5. Định hướng phát triển không gian vùng

5.1. Mô hình phát triển

- Vùng huyện Kiên Hải phát triển theo mô hình “Đô thị đảo sinh thái”, các khu chức năng tập trung theo cụm xen giữa các khu vực thiên nhiên (rừng phòng hộ, cây trồng lâu năm) và theo mô hình Đa cực - Đa trung tâm, với mỗi cực phát triển đóng vai trò, chức năng riêng biệt dựa trên đặc trưng, thế mạnh của từng khu vực; các cực trung tâm sẽ tương hỗ, kết nối với nhau.

- Trục và hướng phát triển: Phát triển theo cấu trúc xương cá - trục phát triển chính của vùng huyện, kết nối các tiểu vùng theo hướng Đông - Tây và các trục phụ theo hướng Tây - Bắc kết nối với các đảo, xã đảo khác trong vùng biển Tây Nam.

- Vùng phát triển hạ tầng và phân bố dân cư chủ yếu tập trung trên các đảo có diện tích lớn như Hòn Tre, Hòn Sơn, Hòn Mấu, Hòn Ngang, đảo Nam Du do thuận lợi về quỹ đất xây dựng, có sẵn các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội,...và phát triển theo mô hình chuỗi - tuyến - điểm kết hợp.

5.2. Phân vùng phát triển

Toàn vùng huyện được chia thành 03 phân vùng, gồm:

a) Phân vùng I - Khu vực Hòn Tre:

- Phạm vi, ranh giới: Diện tích khoảng 480,08 km² (khoảng 48.007,91ha). Bao gồm toàn bộ diện tích phần đất liền, diện tích lấn biển và diện tích mặt biển xung quanh của xã đảo Hòn Tre. Dân số đến năm 2035 khoảng 6.500 người; đến năm 2045 khoảng 7.500 người.

- Tính chất: Vùng trung tâm hành chính, văn hoá, hành chính của huyện Kiên Hải gắn với phát du lịch biển đảo, sinh thái nhà vườn và trạm trung chuyển hàng hóa.

- Chức năng: Là khu vực cửa ngõ phía Đông Bắc của vùng huyện, trung tâm kết nối, vận chuyển và phân phối hàng hóa từ đất liền ra các đảo và ngược lại; là trung tâm hành chính, văn hoá xã hội của vùng huyện, hướng tới thành lập thị trấn Hòn Tre. Phát triển theo hướng đô thị dịch vụ du lịch, phát triển du lịch biển đảo, sinh thái, văn hóa tâm linh và nghề truyền thống. Phát triển nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản. Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

- Phương hướng tổ chức không gian: Không gian kinh tế chủ yếu là du lịch biển đảo, sinh thái nhà vườn, nghề truyền thống; khai thác thủy sản; Không gian nuôi trồng thủy hải sản (chủ yếu tập trung các lồng bè ở bờ phía Tây và Đông Nam). Kinh tế nông nghiệp chủ yếu là cây trồng lâu năm như xoài, mít, hồ tiêu, dừa,...Không gian lấn biển ở phía Đông Bắc (khu vực cảng Hòn Tre) và đảo nhân tạo phía Tây Bắc với các chức năng như khu đô thị, thương mại dịch vụ, hậu cần nghề cá, cảng - kho bãi,...Không gian rừng khuyến khích cho thuê để khai thác các loại hình du lịch khám phá, mạo hiểm hoặc nghỉ dưỡng.

- Kết nối chính: Tuyến đường bộ quanh đảo; Các cảng tổng hợp, hành khách, hàng hóa hiện trạng cải tạo và xây dựng mới (cảng Hòn Tre,...); Các tuyến thủy phi cơ.

b) Phân vùng II - Khu vực Lại Sơn:

- Phạm vi, ranh giới: Diện tích khoảng 911,14 km² (khoảng 91.113,93ha). Bao gồm toàn bộ diện tích phần đất liền, diện tích lấn biển và diện tích mặt biển xung quanh của xã đảo Lại Sơn. Dân số đến năm 2035 khoảng 8.500 người; đến năm 2045 khoảng 9.500 người.

- Tính chất: Vùng trung tâm kinh tế, du lịch sinh thái biển đảo, văn hóa tâm linh và nghề truyền thống.

- Chức năng: Là trung tâm kinh tế của huyện Kiên Hải. Là vùng phát triển du lịch văn hóa tâm linh (lễ hội Nghinh Ông Kiên Hải), du lịch gắn với nghề truyền thống (sản xuất nước mắm), du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch sức khỏe, thể thao mạo hiểm (Đỉnh Ma Thiên Lãnh), nghỉ dưỡng. Vùng phát triển đô thị, lấn biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản kết hợp khai thác du lịch. Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

- Phương hướng tổ chức không gian: Không gian kinh tế chủ yếu là du lịch biển đảo, sinh thái nhà vườn, du lịch gắn với nghề truyền thống, văn hóa tâm linh, thể thao - mạo hiểm, hội thảo - hội nghị và du lịch nghỉ dưỡng; khai thác thủy sản; Không gian nuôi trồng thủy hải sản (chủ yếu tập trung các lồng bè ở bờ phía Tây Nam). Kinh tế nông nghiệp chủ yếu là cây trồng lâu năm như xoài, mít, hồ tiêu, dừa,...Không gian phát triển lấn biển ở phía Tây Nam (khu vực cảng Bãi Nhà) với các chức năng mới như trung tâm kinh tế của huyện Kiên Hải, khu đô thị, dịch vụ du lịch, hậu cần nghề cá,...Không gian rừng khuyến khích cho thuê để khai thác các loại hình du lịch khám phá, mạo hiểm hoặc nghỉ dưỡng.

- Kết nối chính: tuyến đường bộ quanh đảo, cảng Bãi Nhà và cảng Bãi Bắc, các tuyến thủy phi cơ.

c) Phân vùng III - Khu vực quần đảo Nam Du (bao gồm An Sơn và Nam Du):

- Phạm vi, ranh giới: Diện tích khoảng 1.958,76 km² (khoảng 195.876,38ha). Bao gồm toàn bộ diện tích phần đất liền, diện tích lấn biển và diện tích mặt biển xung quanh của 02 xã đảo An Sơn và Nam Du. Dân số đến năm 2035 khoảng 11.000 người (An Sơn khoảng 5.500 người và Nam Du khoảng 5.500 người); đến năm 2045 khoảng 13.000 người (An Sơn khoảng 6.500 người và Nam Du khoảng 6.500 người).

- Tính chất: Vùng phát triển hỗn hợp - Đô thị, du lịch biển đảo, dịch vụ Cảng - logistics và hậu cần nghề cá; là vùng nuôi biển trọng điểm của huyện.

- Chức năng: Là vùng phát triển đô thị dịch vụ cảng và du lịch, lấy Hòn Lớn (An Sơn) là trung tâm phát triển chính của vùng. Phát triển đa dạng loại hình du lịch: sinh thái biển, nghỉ dưỡng, du lịch gắn với nghề truyền thống. Phát triển dịch vụ biển, hậu cần nghề cá gắn với cảng Nam Du (An Sơn) và khu vực Hòn Ngang (Nam Du). Là vùng phát triển khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch gắn với nghề truyền thống tham quan các lồng bè nuôi cá,...). Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

- Phương hướng tổ chức không gian: Không gian kinh tế chủ yếu là du lịch biển đảo, du lịch gắn với nghề truyền thống, văn hóa tâm linh, thể thao - mạo hiểm và du lịch nghỉ dưỡng; khai thác thủy sản; Không gian nuôi trồng thủy hải sản chủ yếu tập trung các lồng bè ở bờ phía Tây Nam: Hòn Lớn (An Sơn), Hòn

Ngang, Hòn Mấu (Nam Du); Kinh tế nông nghiệp chủ yếu là cây trồng lâu năm như xoài, mít, hồ tiêu, dừa,... (tập trung chủ yếu ở đô thị Nam Du). Không gian phát triển lấn biển khu vực cầu cảng Nam Du (xã An Sơn) và phía Tây Hòn Ngang (xã Nam Du) với các chức năng mới như khu đô thị, dịch vụ du lịch, dịch vụ hậu cần,... Không gian rừng khuyến khích cho thuê để khai thác các loại hình du lịch khám phá, mạo hiểm hoặc nghỉ dưỡng.

- Kết nối chính: Tuyến đường bộ quanh đảo; Các cảng tổng hợp, hành khách, hàng hóa hiện trạng cải tạo và xây dựng mới (cảng tổng hợp Nam Du,...); Các tuyến thủy phi cơ.

5.3. Định hướng không gian phát triển du lịch

- Phát triển du lịch Kiên Hải trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trọng tâm phát triển du lịch của huyện Kiên Hải là du lịch biển, đảo, sinh thái. Tập trung xây dựng các công trình ưu tiên đầu tư trong danh mục thu hút đầu tư của tỉnh.

- Dự kiến hình thành vùng du lịch trọng điểm tại Lại Sơn, Quần đảo Nam Du. Các khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn huyện như Khu du lịch Hòn Tre, Khu du lịch Lại Sơn, Khu du lịch quần đảo Nam Du. Các loại hình du lịch chủ yếu: du lịch sinh thái biển đảo, du lịch gắn với nghề truyền thống, du lịch sinh thái nhà vườn, du lịch cộng đồng, du lịch dưới tán rừng, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao - mạo hiểm - khám phá, các loại hình du lịch mới như du lịch thiền, ở ẩn, trăng mật, MICE - hội thảo, hội nghị... Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch cáp treo ở quần đảo Nam Du.

- Định hướng không gian phát triển du lịch tại các khu vực:

+ Khu vực Hòn Tre: Trung tâm du lịch sinh thái nhà vườn trên đảo (phát triển du lịch biển, nghỉ dưỡng, khám phá, mạo hiểm, thể thao biển, sinh thái nhà vườn, ẩm thực, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch phức hợp, cộng đồng).

+ Khu vực Lại Sơn: Trung tâm dịch vụ, du lịch văn hoá, sinh thái, nghỉ dưỡng (phát triển du lịch biển, nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao biển, leo núi, du lịch thiền, hội thảo, du lịch văn hoá tâm linh, tham quan nhà vườn, nghề truyền thống, du lịch phức hợp, cộng đồng).

+ Khu vực quần đảo Nam Du (bao gồm An Sơn và Nam Du): Trung tâm du lịch sinh thái biển, du lịch khám phá, nghỉ dưỡng (phát triển du lịch sinh thái biển, đảo, nghỉ dưỡng cao cấp, thể thao biển, lặn ngắm san hô, du lịch văn hoá tâm linh, ẩm thực, homestay, du lịch trải nghiệm tham quan nghề nuôi cá bè, khai thác và chế biến thủy sản, cáp treo).

5.4. Định hướng không gian phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Phân bố chủ yếu ở phân vùng III tại Hòn Mốc, Hòn Hàng, Hòn Nôm Ngoài, Cảng Nam Du (An Sơn); Khu lấn biển phía Tây Hòn Ngang (Nam Du). Ngoài ra còn phân bố ở các Khu lấn biển Bãi Nhà (Lại Sơn), Khu lấn biển Tây Bắc Động Dừa (Hòn Tre) với tổng diện tích khoảng 57ha.

- Phát triển các ngành công nghiệp chế biến (thủy hải sản, ngư cụ, thủ công mỹ nghệ...), công nghiệp thực phẩm (tôm khô, mực khô, cá khô, nước mắm,...). Nghiên cứu phát triển các ngành công nghiệp khác như sản xuất nước đá; quần áo may mặc sẵn; sản xuất và phân phối điện; khí đốt; nước nóng; hơi nước và điều hòa không khí... và ngành công nghiệp năng lượng.

- Tiếp tục phát triển các cơ sở, các nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống (sản xuất nước mắm, cá khô, tôm khô, mắm...). Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu nước mắm Lại Sơn và các sản phẩm khác trên thị trường.

5.5. Định hướng không gian phát triển thương mại, dịch vụ

- Phát triển hệ thống thương mại, dịch vụ theo hướng đa dạng các loại hình. Nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện hệ thống chợ truyền thống, đồng thời xây dựng mới một số trung tâm thương mại, siêu thị tại trung tâm các tiểu vùng như: Chợ Hòn Tre, Chợ An Sơn, Chợ Nam Du, Trung tâm thương mại An Sơn, Hòn Tre, Lại Sơn...

- Phát triển mới hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng, dầu, khí đốt trên địa bàn huyện tại các khu vực thuận lợi phát triển.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành du lịch, dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành dịch vụ. Xây dựng ngành dịch vụ trở thành ngành quan trọng trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất trên địa bàn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện một cách vững chắc.

5.6. Định hướng không gian phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

- Khu vực nông nghiệp phân bố chủ yếu ở phân vùng I (Khu vực Hòn Tre) và phân vùng II (Khu vực Lại Sơn). Ngoài ra, nghiên cứu phát triển tại phân vùng III (ở Hòn Ngang, Hòn Mấu, xã Nam Du và ven biển Hòn Lớn, xã An Sơn). Tập trung phát triển các loại cây trồng đặc trưng và chủ lực tại Kiên Hải nâng cao chất lượng và phát triển theo hướng sản phẩm OCOP. Phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nông nghiệp sinh thái và sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao. Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Khu vực lâm nghiệp phân bố cả 03 phân vùng, thực hiện theo quy hoạch của ngành Nông nghiệp. Nghiên cứu cho thuê không gian rừng để khai thác các hoạt động du lịch, nhưng phải đảm bảo hạn chế tác động xấu đến môi trường sinh thái tự nhiên và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

- Khu vực ngư nghiệp phân bố cả 03 phân vùng, tập trung chính ở phân vùng III. Bố trí vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè tập trung ở các khu vực bờ đảo Hòn Tre (xã Hòn Tre), Bãi Thiên Tuế (xã Lại Sơn), đảo Hòn Lớn (xã An Sơn), đảo Hòn Ngang - Hòn Bờ Đập - Hòn Mấu (xã Nam Du). Phát triển mạnh nuôi biển và chế biến thủy sản gắn với du lịch. Đầu tư xây dựng, nâng cấp các cảng cá kết hợp công tác hậu cần, logistics cho nuôi biển trên địa bàn tỉnh ở cảng cá

Nam Du (xã An Sơn), đồng thời xây dựng một số kho ngoại quan để bảo quản sản phẩm sau thu hoạch ở xã Nam Du. Phát triển các dự án nuôi biển công nghệ cao ở vùng biển thuộc phân vùng III (quần đảo Nam Du). Đầu tư xây dựng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão tại Nam Du.

5.7. Định hướng các khu vực an ninh, quốc phòng

Nâng cấp, cải tạo các công trình hiện có và bố trí các quỹ đất xây dựng các công trình mới theo định hướng của quy hoạch tỉnh Kiên Giang và quy hoạch ngành an ninh, quốc phòng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5.8. Định hướng khu vực bảo tồn thiên nhiên, di tích, lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh

- Đối với khu vực bảo tồn thiên nhiên như Khu dự trữ sinh quyển; khu vực bảo tồn biển Nam Du - Hòn Sơn; các khu vực biển khai thác có thời hạn; các khu vực rừng tự nhiên và các khu vực cảnh quan sinh thái ven biển tại các đảo: Thực hiện theo quy hoạch ngành đã được phê duyệt.

- Đối với các khu vực bảo tồn giá trị văn hóa - lịch sử, di tích: Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu (dân cư bản địa - làng chài), duy trì lối sống, phong tục tập quán hiện hữu nhằm giữ lại các nét đặc trưng, văn hóa truyền thống bản địa để phát triển du lịch. Phát triển du lịch gắn với công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích, công trình tôn giáo, tín ngưỡng và liên kết các khu vực nghề truyền thống.

- Đối với các khu vực bảo tồn, tôn tạo các danh lam thắng cảnh: Bảo tồn, tôn tạo các danh lam thắng cảnh gắn với các hoạt động du lịch như: Bãi Chén, Động Dừa, Đuôi Hà Bá, Đá Đài (Hòn Tre); Bãi Bàng, Bãi Giếng, Bãi Nhà; Bãi Thiên Tuế, Bãi Đá Chài, Đỉnh Ma Thiên Lãnh, Đỉnh Đề Thơ, Đỉnh Yên Ngựa (Lại Sơn); Bãi Cây Mến, Bãi Đất Đỏ (An Sơn); Bãi Bắc (Nam Du),...

5.9. Định hướng không gian khu vực lấn biển, đảo nhân tạo và không gian mặt nước biển (cho thuê mặt biển)

Định hướng đến năm 2045, quy hoạch phát triển các khu vực lấn biển, đảo nhân tạo và không gian mặt nước biển (cho thuê mặt biển) với tổng diện tích khoảng 352ha, trong đó:

- Các khu vực lấn biển, đảo nhân tạo:

+ Đến năm 2030: Phát triển lấn biển, đảo nhân tạo với diện tích khoảng 111ha tại các khu vực ven biển Hòn Tre, Lại Sơn An Sơn và Nam Du.

+ Sau năm 2030: Phát triển diện tích lấn biển thêm khoảng 201ha tại các khu vực có điều kiện ven biển Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn, Nam Du.

+ Nghiên cứu lựa chọn vị trí, mật độ và tốc độ lấn biển dựa trên cơ sở giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, môi trường, đảm bảo duy trì các dòng hải lưu, bảo vệ đa dạng sinh thái ven bờ; các khu vực có độ dốc nền biển phù hợp, đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến cáp ngầm, tính chất xói lở và bồi tụ của bờ biển, tính chất thủy động học và đường bờ biển tự nhiên.

+ Hệ thống các đảo, quần đảo nhân tạo xây dựng đa dạng về hình dáng và quy mô phù hợp với nhu cầu của địa phương và nhà đầu tư. Các chức năng chủ yếu: khu dân cư, khu du lịch, thương mại - dịch vụ, hỗn hợp, công trình công cộng, công viên, trung tâm hành chính huyện, cảng, bến tàu, dịch vụ hậu cần, kho ngoại quan logistics, hồ chứa nước ngọt...

- Không gian mặt nước biển: Nghiên cứu các khu vực có điều kiện phù hợp để cho thuê mặt nước biển nhằm phát triển kinh tế biển (*Phát triển nghề nuôi biển và các ngành, lĩnh vực khác phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch tỉnh Kiên Giang và quy hoạch của các ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt*). Dự kiến nghiên cứu cho thuê mặt biển ở các khu vực Hòn Lớn, Hòn Nôm Ngoài, Hòn Nôm Giữa, Hòn Hàng, Hòn Gian, Hòn Ông (An Sơn); Hòn Dầu, Hòn Áo, Hòn Bờ Đập (Nam Du) với tổng diện tích khoảng 40ha.

5.10. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

a) Hệ thống các trung tâm hành chính

Nâng cấp cải tạo, xây dựng hệ thống các trung tâm hành chính trên địa bàn huyện gồm trung tâm hành chính huyện tại khu vực Hòn Tre và trung tâm hành chính của các đô thị Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn, Nam Du. Bố trí hệ thống các cơ quan, công sở cấp huyện, cấp xã với quy mô đáp ứng tiêu chí phân loại đô thị của từng đô thị giai đoạn.

b) Hệ thống các trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch

- Trung tâm thương mại - dịch vụ cấp huyện bố trí tại Hòn Tre với các công trình chợ đầu mối, trung tâm thương mại dịch vụ, trung tâm trung chuyển hàng hóa từ đất liền (thành phố Rạch Giá) ra các đảo và ngược lại. Phát triển các công trình thương mại, dịch vụ, tại trung tâm các đô thị mới Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn và Nam Du.

- Hình thành trung tâm dịch vụ du lịch chính nằm ở đô thị Lại Sơn và các trung tâm dịch vụ du lịch phụ tại các đô thị Hòn Tre, An Sơn và Nam Du với chức năng hướng dẫn, điều phối và cung cấp các dịch vụ du lịch, trung chuyển du khách đến các điểm du lịch khác trong vùng huyện.

c) Hệ thống các trung tâm văn hóa, thể dục thể thao

Nâng cấp Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện và cấp xã gắn với việc hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở. Đầu tư xây dựng các công trình Văn hóa - Thể dục thể thao tại các đô thị mới kết hợp xây dựng các cụm khu vui chơi, giải trí, văn hóa.

d) Hệ thống các công trình y tế

Phát triển mạng lưới y tế hiện đại, phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân; nâng cấp Trung tâm y tế huyện Kiên Hải, các trạm y tế và phòng khám đa khoa khu vực hiện hữu, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại ứng dụng khoa học y tế hiện đại, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của người dân; từng bước bổ sung thêm các công trình y tế tại các đô thị mới đáp ứng tiêu chí

về y tế để nâng loại đô thị theo giai đoạn. Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, nâng cao chất lượng y tế cơ sở, phát triển và nâng chất lượng mạng lưới y tế dự phòng, tạo điều kiện mở rộng mạng lưới y tế ngoài công lập; hoàn thành thu gom xử lý 100% rác thải y tế trên địa bàn.

đ) Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo

- Nâng cấp, cải tạo và sắp xếp mạng lưới, hệ thống trường và điểm trường trên địa bàn huyện đảm bảo có đủ các cấp học (Mầm non - Tiểu học - Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) theo định hướng của ngành giáo dục. Nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất các trường hiện hữu theo hướng đạt chuẩn Quốc gia, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Định hướng xây dựng Trung tâm dạy nghề (xã Hòn Tre); Trung tâm nghiên cứu và phát triển nuôi biển quần đảo Nam Du (xã An Sơn).

e) Trung tâm dịch vụ cảng, logistics và hậu cần nghề cá

Trung tâm chính bố trí ở khu quần đảo Nam Du (An Sơn và Nam Du) gắn với vùng nuôi biển công nghệ cao và các trung tâm phụ ở khu vực cảng thuộc đô thị Nam Du, Lại Sơn và Hòn Tre.

g) Trung tâm các đô thị mới

Các khu trung tâm đô thị mới sẽ được nghiên cứu cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch chung các đô thị mới, đảm bảo đầy đủ hệ thống trụ sở cơ quan hành chính các cấp, các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị và cấp đơn vị ở, hệ thống công viên cây xanh và các khu chức năng khác phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác có liên quan.

6. Tổ chức không gian đô thị

a) Hệ thống đô thị

Định hướng đến năm 2045 phát triển 04 đô thị trên địa bàn huyện Kiên Hải với lộ trình như sau:

STT	Đô thị	2025	2030	2035	2040	2045
1	Đô thị Hòn Tre	V	V	IV	IV	IV
2	Đô thị Lại Sơn	V	IV	IV	IV	IV (III*)
3	Đô thị An Sơn	V	V	V	IV	IV
4	Đô thị Nam Du	V	V	V	IV	IV
Tỉ lệ đô thị hóa		100%	100%	100%	100%	100%
*: Nếu đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị theo quy định						

b) Tổ chức hệ thống đô thị

- Đô thị Hòn Tre:

+ Giai đoạn đến năm 2025, định hướng là đô thị loại V; Giai đoạn đến năm 2035 phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại IV.

+ Phạm vi bao gồm toàn bộ ranh giới xã Hòn Tre, các khu lấn biển và đảo nhân tạo.

+ Dân số dự kiến đến năm 2035 là khoảng 6.500 người, đến năm 2045 là khoảng 7.500 người.

+ Tính chất, chức năng: Là trung tâm hành chính, kinh tế của huyện Kiên Hải, là đô thị dịch vụ du lịch. Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh. Là đô thị dịch vụ du lịch, cửa ngõ phía Đông Bắc của huyện Kiên Hải, với chức năng trung chuyển hàng hóa từ đất liền ra các đảo và ngược lại, gắn kết với không gian du lịch TP. Rạch Giá và khu đô thị sân bay Rạch Giá thuộc vùng biển huyện An Biên.

+ Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển du lịch sinh thái biển, đảo, vui chơi giải trí, thể thao biển, leo núi, du lịch tâm linh (Miếu Bà Chúa Xứ, Dinh Ông Nam Hải, Miếu Bà Thượng...), văn hóa ẩm thực, tham quan vườn cây ăn trái, nghề nuôi cá bè giống... Các dự án tạo động lực như khu du lịch sinh thái bãi Chén, khu dân cư lấn biển Hòn Tre,... Khai thác và chế biến thủy sản, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Hòn Tre.

- Đô thị Lại Sơn:

+ Giai đoạn đến năm 2025, định hướng là đô thị loại V; Giai đoạn đến năm 2030 phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại IV.

+ Phạm vi bao gồm toàn bộ ranh giới xã Lại Sơn, các khu lấn biển và đảo nhân tạo.

+ Dân số dự kiến đến năm 2035 là khoảng 8.500 người, đến năm 2045 là khoảng 9.500 người.

+ Tính chất, chức năng: Là trung tâm kinh tế của huyện Kiên Hải, là khu du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng của tỉnh; có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh.

+ Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, thể thao biển, leo núi, du lịch thiên, homestay, tham quan vườn cây ăn trái đặc sản, làng nghề sản xuất nước mắm truyền thống Hòn Sơn; nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản. Các dự án tạo động lực như: dự án Bãi Thiên Tuế, dự án lấn biển Lại Sơn, hồ chứa nước Bãi Nhà...

- Đô thị An Sơn:

+ Giai đoạn đến năm 2025, định hướng là đô thị loại V. Giai đoạn đến năm 2040 phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại IV.

+ Phạm vi bao gồm toàn bộ ranh giới xã An Sơn, các khu lấn biển và đảo nhân tạo.

+ Dân số dự kiến đến năm 2035 là khoảng 5.500 người, đến năm 2045 là

khoảng 6.500 người.

+ Tính chất, chức năng: Là trung tâm kinh tế, đô thị dịch vụ cảng phía Tây của huyện Kiên Hải; là khu du lịch khám phá, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao của tỉnh. Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh. Là khu vực đầu mối gắn với cảng Nam Du, dịch vụ hậu cần nghề cá, nuôi trồng và chế biến thủy sản, có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh.

- Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển du lịch sinh thái biển, đảo, nghỉ dưỡng, thể thao biển, lặn ngắm san hô, văn hóa ẩm thực, du lịch homestay, tham quan làng nghề nuôi cá bè. Các dự án tạo động lực như: dự án Bãi Cây Mến, dự án lặn biển An Sơn, đường quanh đảo giai đoạn 2 An Sơn, trung tâm thương mại An Sơn, hồ chứa nước Bãi Cây Mến... Phát triển đô thị tập trung ở phía Đông và phía Tây hòn Lớn, các khu du lịch tập trung ở bãi Đất Đỏ, bãi Cây Mến, bãi Ngự, bãi Giếng... gắn kết với không gian vùng biển An Biên, An Minh và Thổ Châu.

- *Đô thị Nam Du:*

+ Giai đoạn đến năm 2025, định hướng là đô thị loại V. Giai đoạn năm đến năm 2040, phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại IV.

+ Phạm vi bao gồm toàn bộ ranh giới xã đảo Nam Du và các khu lặn biển.

+ Dân số dự kiến đến năm 2035 là khoảng 5.500 người, đến năm 2045 là khoảng 6.500 người.

+ Tính chất, chức năng: Là đô thị dịch vụ du lịch của huyện Kiên Hải, là trung tâm dịch vụ hậu cần cảng cá, nuôi trồng và chế biến thủy sản khu vực quần đảo Nam Du, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

+ Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển du lịch sinh thái biển, đảo, du lịch nghỉ dưỡng, thể thao biển, lặn ngắm san hô, văn hóa ẩm thực, du lịch cộng đồng, tham quan làng nghề cá bè, khai thác và chế biến thủy sản. Các dự án tạo động lực như: dự án lặn biển Hòn Ngang, xã Nam Du, dự án lặn biển Cảng cá Nam Du, dự án bến cảng tổng hợp Nam Du, khu neo đậu tránh trú bão. Phát triển đô thị tập trung ở phía Đông và phía Tây, các khu du lịch tập trung ở Hòn Mấu, Hòn Ngang (Bãi Bắc).

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Giao thông

a) Giao thông đường bộ

- Khu vực huyện đảo nên không có các tuyến giao thông đối ngoại cấp tỉnh đi qua, giao thông đường bộ ở mỗi đô thị đảo là hệ thống giao thông nội bộ trong từng đô thị.

- Đường đô thị bao gồm: đường khu vực lộ giới khoảng 16-20m; đường phân khu vực lộ giới khoảng 13-14m; các tuyến đường giao thông chính đi bên ngoài khu vực trung tâm đô thị lộ giới khoảng 13m. Các tuyến đường có thể nghiên cứu điều chỉnh giảm lộ giới phù hợp với điều kiện tự nhiên, địa hình hiện trạng cụ thể của từng đảo và quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

b) Giao thông đường thủy

- Nâng cấp các tuyến vận tải thủy do Trung ương quản lý gồm: Rạch Giá - Nam Du; Nam Du - Phú Quốc; Xẻo Nhàu - Nam Du; Năm Căn - Nam Du; Sông Đốc - Nam Du.

- Nâng cấp, phát triển các tuyến đường thủy nội địa do địa phương quản lý:

+ Các tuyến tàu cao tốc từ thành phố Rạch Giá: Rạch Giá - Hòn Tre, Rạch Giá - Lại Sơn, Rạch Giá - An Sơn và Rạch Giá - Nam Du.

+ Các tuyến đường biển kết nối với khu vực đất liền: Hòn Tre - Tắc Cậu (huyện Châu Thành), Lại Sơn - Xẻo Nhàu (huyện An Minh), Hòn Tre - Thổ Sơn (huyện Hòn Đất).

+ Các tuyến kết nối với các đảo, quần đảo trong vùng biển Tây Nam: Thành phố Phú Quốc, Quần đảo Thổ Chu, Hòn Thơm (Phú Quốc), Hòn Nghê (Kiên Lương), Sơn Hải (Kiên Lương), Quần đảo Tiên Hải - đảo Hải Tặc (Hà Tiên).

+ Ngoài các tuyến chính kết nối giữa các đảo còn có các tuyến phụ kết nối thông qua các bến thuyền du lịch ở các đảo nhỏ.

c) Hệ thống bến bãi

- Nâng cấp hệ thống bến, cảng hiện hữu và xây dựng mới bổ sung tại các hòn nhằm tăng cường kết nối, phục vụ hoạt động du lịch.

- Phát triển các cảng tổng hợp gồm: cảng Hòn Tre hiện hữu và khu neo đậu tránh bão, cảng Hòn Tre dự kiến (khu vực lấn biển Động Dừa), cảng Lại Sơn hiện hữu (Bãi Bắc), cảng Lại Sơn dự kiến (khu lấn biển Bãi Nhà), cảng An Sơn hiện hữu, cảng An Sơn (Bãi Ngự), cảng Nam Du (Hòn Ngang).

- Phát triển hệ thống các bến tàu phục vụ du lịch tại các khu vực quy hoạch phát triển du lịch trong huyện có điều kiện địa hình phù hợp.

- Xây dựng khu neo đậu tránh bão tại đô thị Nam Du với sức chứa 1.000 chiếc, chiều dài tàu cá lớn nhất có thể neo đậu là 35m. Khu neo đậu kết hợp với cảng cá đảo Nam Du với lượng thủy sản qua cảng khoảng 3.000 tấn/năm.

- Xây dựng khu neo đậu tránh bão tại đô thị Hòn Tre với sức chứa 1.000 chiếc, chiều dài tàu cá lớn nhất có thể neo đậu là 35m.

- Nghiên cứu xây dựng bến thủy phi cơ tại Bãi Nhà (Lại Sơn) và Bãi Trệt (An Sơn) nhằm tăng cường kết nối và phục vụ hoạt động du lịch, ngoài ra còn có thể chuyên chở dân cư, y tế... ở những vùng hải đảo trong trường hợp khẩn cấp.

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền

Cao độ không chế nền xây dựng các đô thị và các khu chức năng sẽ được tính toán, xác định trong giai đoạn lập quy hoạch chung trên cơ sở quy định về cấp đô thị, điều kiện tự nhiên, địa hình cụ thể của từng đảo, đảm bảo khả năng

ứng phó các tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, sạt lở đất và các hiện tượng thiên tai khác.

b) Thoát nước mưa

- Xây dựng đồng bộ và hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa cho các đô thị và các khu chức năng. Đô thị có thể sử dụng 3 dạng hệ thống: thoát riêng, thoát chung và thoát nửa riêng tùy theo điều kiện cụ thể. Các khu vực hiện trạng chỉnh trang có thể sử dụng hệ thống thoát nước chung hoặc hỗn hợp phù hợp với điều kiện kinh tế và môi trường. Các làng nghề có chất thải độc hại dùng hệ thống thoát riêng.

- Bố trí các tuyến công thoát nước mưa dọc theo các tuyến đường giao thông, thu gom toàn bộ nước mưa, thoát ra hệ thống suối hiện hữu và bờ biển. Các đoạn suối chảy qua khu vực đô thị, khu chức năng cần phải được cải tạo, gia cố bờ, chống sạt lở. Khu vực lấn biển và xây dựng đảo nhân tạo phải có các giải pháp xây dựng kè phù hợp để ổn định nền.

7.3. Cấp nước

a) Nhu cầu dùng nước

Tổng nhu cầu dùng nước toàn huyện giai đoạn đến năm 2045 khoảng 4.234 m³/ngày đêm.

b) Nguồn cấp nước và mạng lưới cấp nước

- Nguồn nước: chủ yếu là nước mặt (nước mưa). Nâng cấp các hồ chứa, bể chứa; Đầu tư tăng cường các hồ, bể chứa nước ngọt, nước mưa để trữ nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân cũng như nhu cầu du lịch trong tương lai. Khuyến khích xây dựng bể chứa và các hình thức chứa nước mưa khác với quy mô hộ gia đình. Nghiên cứu nguồn nước được chuyển đổi từ nước biển (lựa chọn công nghệ lọc biển phù hợp).

- Nâng cấp, cải tạo các hồ chứa nước: Hồ nước Hòn Tre, hồ nước Bãi Nhà; hồ nước An Sơn; hồ nước Bãi Cây Mến. Xây dựng mới các hồ chứa nước: Hồ nước Bãi Bắc; hồ nước Hòn Ngang; hồ nước Hòn Mấu; hồ nước Hòn Dầu. Xây dựng 04 trạm cấp nước tại các đô thị mới với tổng công suất khoảng 4.350 m³/ngày.

- Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác nước ngầm. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào xử lý nước đáp ứng yêu cầu vệ sinh và chất lượng nước.

7.4. Cấp điện

a) Nguồn điện và lưới điện:

- Đô thị Hòn Tre được cung cấp từ đường dây 22kV hiện hữu bắt đầu từ xã Thổ Sơn (huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) kết nối ra. Đô thị Lại Sơn được cung cấp từ đường dây 110kV vận hành 22kV bắt đầu từ trạm 110kV An Biên hiện hữu kết nối ra.

- Dự kiến xây dựng mới tuyến trung thế 22kV từ trạm 110kV Lại Sơn - 1x25MVA (xã Lại Sơn) ra 02 đô thị An Sơn và Nam Du và xây dựng mới trạm 110/22kV - 25MVA Lại Sơn cấp điện cho khu vực đảo này và quần đảo Nam Du, An Sơn.

b) Định hướng các nguồn năng lượng khác

- Năng lượng điện mặt trời: Kiên Giang có tiềm năng phát triển năng lượng mặt trời khi tổng bức xạ mặt trời bình quân trên mặt phẳng nằm ngang (GHI) đạt mức 4,5kWh/m²/ngày trở lên. Bức xạ mặt trời nhiều và ổn định trong suốt thời gian của năm. Khuyến khích phát triển năng lượng điện mặt trời tại các khu vực có điều kiện thuận lợi theo quy hoạch tỉnh Kiên Giang đã được phê duyệt.

- Hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt: Kho xăng dầu đầu mối Nam Du tại xã Nam Du, sức chứa 70.000m³ (trong đó, giai đoạn 2026-2030 là 40.000m³; giai đoạn 2031-2050 là 30.000m³). Kho nhập khẩu khí Nam Du, sức chứa 300.000 tấn tại Quần đảo Nam Du (Hòn Mốc, xã An Sơn), huyện Kiên Hải.

7.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

7.5.1. Thoát nước thải

- Các đô thị có thể sử dụng 3 dạng hệ thống: thoát riêng, thoát chung và thoát nửa riêng tùy theo điều kiện cụ thể. Các khu vực hiện trạng chỉnh trang có thể sử dụng hệ thống thoát nước chung hoặc hỗn hợp phù hợp với điều kiện kinh tế và môi trường. Các làng nghề có chất thải độc hại dùng hệ thống thoát riêng. Các dự án khu đô thị mới, toàn bộ hệ thống thoát nước thải của các đô thị của vùng huyện phải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải được xử lý sơ bộ tại nguồn phát sinh để đạt các chỉ tiêu quy định của trạm xử lý nước thải tập trung mới cho phép đầu nối vào cống thu nước thải chung. Sau đó thông qua hệ thống cống thoát nước thải đưa về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải y tế từ các Trung tâm y tế phải xử lý cục bộ bằng trạm làm sạch riêng và khử trùng trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị.

- Tổng lưu lượng thoát nước thải toàn huyện đến 2045 khoảng 3.540m³/ngày. Định hướng xây dựng khoảng 08 trạm xử lý nước thải được phân bố tại các đô thị.

7.5.2. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a) Quản lý chất thải rắn

- Tổng lượng phát thải CTR giai đoạn 2035 là 26,31 tấn/ngày, giai đoạn đến 2045 là khoảng 30,33 tấn/ngày.

- Nâng cấp 02 khu xử lý rác hiện trạng tại đô thị An Sơn và Lại Sơn. Xây dựng mới thêm 03 khu xử lý rác tại Hòn Tre (đô thị Hòn Tre), Hòn Ngang và Hòn Mấu (đô thị Nam Du).

- Rác thải cần được phân loại tại nguồn, thu gom về điểm tập kết rác rồi đưa đến khu xử lý rác thải chung. Xử lý rác thải bằng công nghệ phù hợp.

b) Nghĩa trang

Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân tại các đô thị: Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn. Đối với đô thị Nam Du, định hướng sử dụng chung hạ tầng nghĩa trang với đô thị An Sơn. Phát triển và khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng.

7.6. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động của huyện Kiên Hải theo định hướng chung của tỉnh Kiên Giang. Nghiên cứu ngầm hoá các tuyến cáp mạng tại các khu vực trung tâm đô thị để tạo mỹ quan.

- Chỉ tiêu phát triển thuê bao đến năm 2045: Số thuê bao điện thoại di động (trả trước và trả sau) khoảng 110 thuê bao/100 dân. Số thuê bao internet băng rộng (cố định và di động) khoảng 32 thuê bao/100 dân.

8. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và phát triển trên địa bàn vùng huyện

- Có giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hóa. Xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt và tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí và các hệ sinh thái.

- Giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường; giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp vào các quá trình sản xuất.

- Xác định quy chế bảo vệ môi trường và có biện pháp quản lý ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và nông thôn; vùng sinh thái nông nghiệp.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ với kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, cấp tỉnh, đẩy nhanh quá trình hình thành các đô thị trên địa bàn vùng huyện.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn cho phù hợp với quy hoạch vùng đã được phê duyệt.

- Lập đề án công nhận các đô thị theo từng giai đoạn phù hợp với thực tế phát triển và định hướng quy hoạch vùng huyện.

- Triển khai các dự án ưu tiên đầu tư của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện đã được xác định trong quy hoạch tỉnh Kiên Giang đã được phê duyệt.

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Giao UBND huyện Kiên Hải phối hợp với Sở Xây dựng, Đơn vị tư vấn (*Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang*) và các Sở, ban ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang đến năm 2045 và tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của tài liệu, cơ sở dữ liệu (số liệu, bản đồ) của các ngành, lĩnh vực để nghiên cứu, lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải; sự thống nhất của toàn bộ đồ án quy hoạch tại thuyết minh và hệ thống bản đồ; phù hợp với Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch cấp trên khác có liên quan.

- Căn cứ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải được duyệt rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành lĩnh vực có liên quan và thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Rà soát lập mới các quy hoạch chung đô thị, lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch nông thôn và quy hoạch xây dựng các khu chức năng trên địa bàn huyện theo định hướng của Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Hải được duyệt.

- Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng làm cơ sở xác định danh mục, trình tự triển khai lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng theo từng cấp độ; danh mục và thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; dự kiến nhu cầu vốn cho công tác thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng hàng năm;...theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (10b);
- UBND huyện Kiên Hải;
- Công báo tỉnh, Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, lqkhanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giang Thanh Khoa

